TRƯỜNG CNTT – TT
KHOA HỆ THỐNG THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 50

Ngành: **Hệ thống thông tin- Chất lượng cao (**Information Systems- High quality program)
Mã ngành: **7480104**
Hệ đào tạo: **Chính quy** Thời gian đào tạo: **4,5 năm** Danh hiệu: **Kỹ sư**

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt Buộc	Tự chọn	Số tiế LT	Số tiết TH
Năm 1 - Học kỳ 1							
1	FL010H	Nghe nói và ngữ âm thực hành (*)	4	4		60	
2	FL011H	Đọc hiểu (*)	3	3		45	
3	FL012H	Viết (*)	3	3		45	
4	FL013H	Ngữ pháp ứng dụng (*)	2	2		30	
5	FL014H	Kỹ năng thuyết trình (*)	3	3		45	
6	FL100H	Thi đánh giá năng lực tiếng Anh (*)	2	2		30	
Tổng cộng			**17**	**17**	0		
Năm 1 – Học kỳ 2							
1	CT103H	Nền tảng Công nghệ thông tin Fundamentals of Information Technology	3	3		30	30
2	CT054H	Lập trình căn bản A Basic programming	4	4		30	60
3	CT051H	Vi – Tích phân Calculus	4	4		60	
4	TC100	Giáo dục thể chất 1	1		1		30
Tổng cộng			**12**	**11**	**1**		
Năm 1 – Học kỳ 3							
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1 (*)	2	2		37	8
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)	2	2		22	8
3	QP012	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)	2	2		24	21
4	QP013	Giáo dục quốc phòng – An ninh 4 (*)	2	2		4	56
5	CT177H	Cấu trúc dữ liệu Data Structures	3	3		30	30
6	ML014	Triết học Mác – Lênin	3	3		45	0
Tổng cộng			**14**	**14**	**0**		
Năm 2 – Học kỳ 1							
1	ML016	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		30	
2	CT052H	Đại số tuyến tính và hình học Linear Algebra & Analytic Geometry	3	3		45	
3	TC100	Giáo dục thể chất 2	1		1	0	30
4	CT110H	Cơ sở dữ liệu Databases	3	3		30	30
5	CT108H	Lập trình hướng đối tượng Object-Oriented Programming	3	3		30	30
Tổng cộng			**12**	**11**	**1**		
Năm 2 – Học kỳ 2							

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt Buộc	Tự chọn	Số tiế LT	Số tiết TH
1	CT308H	Thương mại điện tử E-Commerce	3	3		30	30
2	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	
3	CT106H	Mạng máy tính Networking	3	3		30	30
4	CT109H	Phân tích và thiết kế thuật toán Design and Analysis of Computer Algorithms	3	3		30	30
5	TC100	Giáo dục thể chất 3	1		1	0	30
6	ML007	Logic học đại cương	2		2	30	
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30	
	XH014	Văn bản & lưu trữ đại cương	2			30	
	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20
Tổng cộng			**14**	**11**	**3**		
Năm 2 – Học kỳ 3							
1	CT214H	Lập trình Web Web programming	3	3		30	30
2	CT053H	Xác suất thống kê Probability & Statistics	3	3		45	
3	CT223H	Nền tảng trí tuệ nhân tạo Fundamentals of AI	3	3		30	30
4	CT112H	Phân tích & thiết kế hệ thống Systems Analysis & Design	3	3		30	30
Tổng cộng			**12**	**12**	**0**		
Năm 3 – Học kỳ 1							
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30	
2	CT182H	Ngôn ngữ mô hình hóa UML	3	3		30	30
3	CT353H	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Database Management Systems	3	3		30	30
4	CT101H	Toán cho khoa học máy tính Mathematics for Computer Science	4	4		60	
Tổng cộng			**12**	**12**	**0**		
Năm 3 – Học kỳ 2							
1	CT077H	Ứng dụng thị giác máy tính Applications of Computer Visions	3	3		30	30
2	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
3	CT291H	Lập trình ứng dụng Application programming	3	3		30	30
4	CT075H	Kho dữ liệu và khai phá dữ liệu Data warehouse and Data mining	3	3		30	30
5	CT060H	Kỹ năng viết báo cáo khoa học Scientific report writing skills	1		2	10	10
6	CT056H	Kỹ năng thuyết trình Presentation skills	1			10	10
7	CT059H	Kỹ năng tư duy phản biện	1			10	10

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt Buộc	Tự chọn	Số tiế LT	Số tiết TH
		Critical thinking					
Tổng cộng			**13**	**11**	**2**		
Năm 3 – Học kỳ 3							
1	CT252H	Niên luận cơ sở ngành HTTT Project – Fundamental Topics	3	3			90
2	CT113H	Cơ sở dữ liệu NoSQL NoSQL Database	3		9	30	30
3	CT079H	Hệ thống thông tin thông minh Intelligent Information Systems	3			30	30
4	CT080H	Hệ thống thông tin địa lý Geographic Information Systems	3			30	30
5	CT081H	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	3			30	30
Tổng cộng			**12**	**3**	**9**		
Năm 4 – Học kỳ 1							
1	CT099H	Blockchain và ứng dụng Blockchain and its Application	3		12	30	30
2	CT512H	Điện toán đám mây và IoT Cloud Computing and IoT	3			30	30
3	CT513H	Web ngữ nghĩa và ứng dụng Semantic Web and its Applications	3			30	30
4	CT514H	Dữ liệu lớn và Chuyển đổi số Big Data and Digital Transformation	3			30	30
5	CT515H	Quản trị tri thức Knowledge Management	3			30	30
6	CT254H	Bảo mật, an toàn hệ thống thông tin Information Systems Safe and Security	3			30	30
7	CT255H	Nghiệp vụ thông minh Business Intelligence	3			30	30
8	CT082H	Tiếp thị số Digital Marketing	3			30	30
Tổng cộng			**12**	**0**	**12**		
Năm 4 – Học kỳ 2							
1	CT263H	Niên luận chuyên ngành HTTT Project – Specialized Topics	3	3			90
2	CT076H	Phân tích dữ liệu Data Analytics	3	3		30	30
3	CT078H	Hệ thống thông tin di động Mobile Information Systems	3	3		30	30
4	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30	
5	CT055H	Kỹ năng giao tiếp Communication skills	1		2	10	10
6	CT057H	Kỹ năng làm việc nhóm Teamwork skills	1			10	10
7	CT058H	Kỹ năng giải quyết vấn đề Problem solving	1			10	10
8	CT191	Luật công nghệ thông tin và đạo đức nghề nghiệp Laws and Ethics in IT	1			15	
Tổng cộng			**13**	**11**	**2**		
Năm 4 – Học kỳ 3							

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt Buộc	Tự chọn	Số tiế LT	Số tiết TH
1	CT551H	Luận văn tốt nghiệp HTTT-CLC Information Systems Thesis	15	15			450
Tổng cộng			**15**	**15**	**0**		
Năm 5 – Học kỳ 1							
1	CT511H	Thực tập doanh nghiệp - HTTT-CLC Internship in Information Systems	5	5			150
Tổng cộng			**5**	**5**	**0**		
TỔNG CỘNG			**163**	**133**	**30**		

Đơn vị quản lý: **Khoa Hệ thống thông tin, Trường CNTT & TT**

Liên hệ:

- https://www.facebook.com/htttdhct
- https://fis.ctu.edu.vn/

Cần Thơ, ngày … tháng … năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHCT
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CNTT-TT

Nguyễn Hữu Hòa

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thái Nghe